

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/DS-PT
Ngày 04 tháng 5 năm 2022
V/v Tranh chấp chia thừa kế, tranh chấp
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

- *Các Thẩm phán:*
Bà Phạm Thị Liên Hiệp
Ông Ngô Tấn Lợi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh:* Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 4 và ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp chia thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/DS-ST, ngày 07/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *N đơn:*

1. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: Ấp MP, xã PĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Thị L, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Ấp MT A, xã MT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà L: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 249, ấp NC, xã NM, huyện CL, Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/5/2021.

3. Phạm Thị X, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Số nH 198, ấp BT, xã BK, huyện CG, THnh phố Hồ Chí Minh.

4. Phạm Thị B, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Ấp MP, xã PĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phạm Thị T, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số nH 229, ấp BT, xã BK, huyện CG, THnh phố Hồ Chí Minh.

6. Phạm Văn V, sinh năm: 1969;

ĐKHKT: Ấp MP, xã PĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số nH 75, Đường số 4, Khu phố 3, Phường AL, Quận BT, THnh phố Hồ Chí Minh.

7. Phạm Thị H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số nH 198, ấp BT, xã BK, huyện CG, THnh phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Phạm Văn K, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: ấp MP, xã PĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trần Thị L, sinh năm: 1959;

2. Phạm Thị Phúc N, sinh năm: 1982;

3. Phạm Thị Phúc L, sinh năm: 1985;

4. Phạm Thị Phúc V, sinh năm: 1986;

5. Phạm Đức T, sinh năm: 1989;

6. Phạm Đức T, sinh năm: 1992;

Bà L và các anh (chị) N; L; V; T; T cùng ủy quyền cho ông Phạm Văn K.

7. Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1981;

8. Mai Thanh T, sinh năm: 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp MP, xã PĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

9. Ủy Bn nhân dân huyện Tháp Mười.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người Kng cáo: Bà Phạm Thị L và Nguyễn Thị H là N đơn.

Ông Vũ, bà X, bà T có mặt tại phiên tòa; Ủy Bn nhân dân huyện Tháp Mười có đơn xin vắng mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Bà Nguyễn Thị H, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Cha tên Phạm Văn Đ, sinh năm: 1922 (chết năm 1995), mẹ tên Nguyễn Thị B, sinh năm: 1931 (chết năm 2016), do ông K đang thờ cúng.

Nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế là do ông, bà để lại cho cha mẹ, nhưng năm nào không nhớ, diện tích 50 công tầm 3 mét. Năm 1976, bà có chồng, từ trước đến nay chưa được cha mẹ cho đất, trong diện tích 50 công thì cha mẹ có cho ông K hơn 10 công nhưng cũng không nhớ năm nào.

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/4/2018, bà H yêu cầu chia thừa kế diện tích quyền sử dụng đất 3.408,375m² thuộc một phần các thửa 960, 210, 209, 214, 755, 758 do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/7/2001 và diện tích 1.500m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình hòa giải vụ án, bà H đề nghị thay đổi một phần yêu cầu là yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 763, tờ bản đồ số 6, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 763 do ông K quản lý sử dụng từ năm nào thì cũng không nhớ, thửa đất 763 khi đo đạc thì chưa thống nhất ranh giáp với thửa 761 do bà đứng tên giấy chứng nhận (thửa 761 bà nhận chuyển nhượng của ông V). Trong quá trình hòa giải vụ án, bà H thống nhất lấy trụ ranh mốc M4 và mốc M7 do ông K xác định làm ranh giới chung để giải quyết chia thừa kế diện tích đo đạc thực tế thửa đất số 763, tờ bản đồ số 6, xã Phú Điền.

Hiện trạng đất khi đo đạc thì trồng lúa, thời gian gần đây thì ông K lên liếp và trồng cây ăn trái.

Nay, bà H yêu cầu ông K chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 763, tờ bản đồ số 6, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia các thửa đất còn lại. Nếu Tòa án các cấp không chấp nhận yêu cầu chia thửa đất 763 cho bà thì bà không yêu cầu chia các thửa đất còn lại.

Thửa đất số 763 có thời gian vợ chồng của ông K cất nH để ở nhưng không nhớ thời gian nào, nhưng đất của cha mẹ.

Hôm nay, ông K xuất trình mảnh giấy **“Tờ cho đất”** thì giấy này không sự thật, bà không yêu cầu giám định chữ ký của cụ Đ, cụ B.

2. Ông Phạm Văn K, là bị đơn trình bày (yêu cầu của bà H):

Cha tên Phạm Văn Đ, sinh năm: 1922 (chết năm 1995), mẹ tên Nguyễn Thị B, sinh năm: 1931 (chết năm 2016), do ông thờ cúng.

Cụ Đ, cụ B có 08 người con gồm: 1. Nguyễn Thị H; 2. Phạm Văn K; 3. Phạm Thị L; 4. Phạm Thị X; 5. Phạm Thị B; 6. Phạm Thị T; 7. Phạm Văn V; 8. Phạm Thị H.

Diện tích thửa đất 763 của cha mẹ cho ông vào năm 1981, có làm giấy viết tay, hiện nay giấy vẫn còn, cha mẹ cưới vợ cho ông năm 1978 hay năm 1979 không nhớ. Năm 1981, cha mẹ có cất nH trên thửa đất 763 cho vợ chồng ông để ở và tách hộ khẩu theo sổ nH 338/A. Năm nào không nhớ, NH nước làm lộ kênh Tư cũ, thì vợ chồng ông di dời nH về đất cụ B để cất nH bê tông ở cho đến

nay. Nhưng, đất thì ông vẫn sử dụng trồng lúa, đến năm 2019, ông lên liếp chi phí 6.000.000 đồng để trồng cây ăn trái cho đến nay.

Đất này ông đã sử dụng nay hơn 40 năm nhưng không ai tranh chấp, quá trình sử dụng đất, ông có đầu tư chi phí để nâng giá trị đất, nếu pháp luật chia đất thì ông yêu cầu người được chia phải trả giá trị công sức cho ông.

Do đó, ông không đồng ý yêu cầu của bà H. Nếu Tòa án chia đất thì cây, chi phí đầu tư ông yêu cầu trả cho ông theo giá quy định.

3. Bà Phạm Thị L, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Về mối quan hệ cha mẹ, anh em như lời trình bày của bà H, ông K.

Nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế là do ông, bà để lại cho cha mẹ.

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/4/2018, bà L yêu cầu chia thừa kế diện tích quyền sử dụng đất 3.408,375m² thuộc một phần các thửa 960, 210, 209, 214, 755, 758 do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/7/2001 và diện tích 1.500m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình hòa giải vụ án, bà L đề nghị thay đổi một phần yêu cầu là yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 214, tờ bản đồ số 7, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận, chia làm 03 phần, gồm Phạm Thị L, Phạm Văn K, Phạm Văn V, bà nhận vị trí đất một bên giáp đất ông V yêu cầu được chia và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 765, tờ bản đồ số 6, yêu cầu chia làm 03 phần, gồm Phạm Thị L, Phạm Văn K, Phạm Văn V.

4. Ông Phạm Văn V, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Về mối quan hệ cha mẹ, anh em như lời trình bày của bà H, ông K, bà L.

Nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế là do ông, bà để lại cho cha mẹ.

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/4/2018, ông yêu cầu chia thừa kế diện tích quyền sử dụng đất 3.408,375m² thuộc một phần các thửa 960, 210, 209, 214, 755, 758 do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/7/2001 và diện tích 1.500m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình hòa giải vụ án, ông V đề nghị thay đổi một phần yêu cầu là yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 214, tờ bản đồ số 7 do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận, chia làm 03 phần, gồm Phạm Thị L, Phạm Văn K, Phạm Văn V, vị trí đất một bên giáp đất ông Huỳnh Văn Mạnh và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất 765, tờ bản đồ số 6, yêu cầu chia làm 03 phần, gồm Phạm Thị L, Phạm Văn K, Phạm Văn V.

Ông không yêu cầu giám định chữ ký của cụ Đ, cụ B những tài liệu, chứng cứ do ông K xuất trình.

5. Ông Phạm Văn K, là bị đơn trình bày (yêu cầu khởi kiện của bà L, ông V):

Diện tích của thửa đất 214, tờ bản đồ số 7 và diện tích thửa đất 765, tờ bản đồ số 6 là của cụ Đ, cụ B. Nhưng cụ Đ, cụ B đã cho cá nhân của ông theo bản di chúc đề ngày 29/8/2007, có 02 người câu ruột là Phạm Văn Trọng và Phạm Văn Nhàn làm chứng (thửa đất 214) và tờ thừa kế lập ngày 10/8/1995 có Phạm Thị L, Phạm Thị H, Phạm Thị B đồng ý (thửa 765). Do đó, tài sản này không phải là di sản thừa kế nên không đồng ý yêu cầu của bà L và ông V.

Nếu có căn cứ chứng minh di chúc không hợp pháp thì ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

6. Bà Phạm Thị T, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Về mối quan hệ cha mẹ, anh em như lời trình bày của bà H, ông K, bà L, ông V.

Bà yêu cầu được chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 4.784,9m² thuộc các thửa đất số 209, 210, 960, tờ bản đồ số 7, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận, vì các thửa đất này do bà quản lý và sử dụng đất.

Các ông, bà: H, K, L, X, B, V, H đồng ý bà Phạm Thị T nhận thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 4.784,9m² thuộc các thửa đất 209, 210, 960, tờ bản đồ số 7.

Các ông, bà: H, K, L, X, B, V, H từ chối nhận di sản các thửa đất 209, 210, 960, tờ bản đồ số 7, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Bà Phạm Thị H, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Về mối quan hệ cha mẹ, anh em như lời trình bày của các anh, chị.

Bà yêu cầu được chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 5.000m² thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên.

Các ông, bà: H, K, L, X, B, V, T đồng ý bà Phạm Thị H nhận thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 5.000m² thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các ông, bà: H, K, L, X, B, V, T từ chối nhận di sản thửa đất 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Bà Phạm Thị X, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Về mối quan hệ cha mẹ, anh em như lời trình bày của các anh, chị.

Bà yêu cầu được chia thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 2.354m² thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên.

Các ông, bà: H, K, L, H, B, V, T đồng ý bà Phạm Thị X nhận thừa kế diện tích đất đo đạc thực tế 2.354m² thuộc thửa đất số 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các ông, bà: H, K, L, H, B, V, T từ chối nhận di sản thửa đất 758, tờ bản đồ số 6, do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9. Bà Phạm Thị B, là N đơn trình bày và yêu cầu:

Bà không có yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của di sản cha mẹ chết để lại, mà trước đây Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười và Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp giải quyết thì mẹ là cụ Nguyễn Thị B giao cho bà diện tích đất 4.999,9m², tờ bản đồ số 02, thửa 762 và bà sử dụng đất cho đến nay, nhưng đất do cụ Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay, yêu cầu các ông, bà: H, K, L, H, X, V, T tách quyền sử dụng đất cho bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các ông, bà: H, K, L, H, X, V, T đồng ý lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất diện tích thuộc thửa 762, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 944 và 755) diện tích đo đạc thực tế là 5.984,3m² cho bà Phạm Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Chị Nguyễn Ngọc H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị là con của bà H, nH chị cật trên đất của cha mẹ. Khi đo đạc thì ông K xác định ranh cặp lộ kênh tư củ có cần vào gốc nH cây tạp của chị, nhưng chị không tranh chấp, đề hai bên thỏa thuận.

11. Ủy Bn nhân dân huyện Tháp Mười, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy Bn nhân dân Huyện không có ý kiến đối với tranh chấp và đề nghị vắng mặt, thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị B.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

[2.1] Phạm Thị T nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 4.784,9m² thuộc các thửa đất số 210, 209, 960 cùng tờ bản đồ số 7, xã Phú Điền, cụ thể:

-Thửa 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.342,8m², tứ cận:

+Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 25,66m;

+Ngang giáp thửa 958: 24,87m;

+Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Khen: 49,49m;

+Dài giáp thửa 209: 53,22m.

-Thửa 209, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.530,8m², tứ cận:

+Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 28,56m;

+Ngang giáp thửa 958: 28,87m;

+Dài giáp thửa 210: 53,22m;

+Dài giáp thửa 960: 53,39m.

-Thửa 960, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.911,3m², tứ cận:

- +Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 22,20m;
- +Ngang giáp kênh 500: 20,94m;
- +Dài giáp thửa 209 và thửa 958: 88,06m;
- +Dài giáp đất ông Lê Văn Cai: 89,22m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 04-2018, tờ bản đồ số 7, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 221/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

[2.2] Bà Phạm Thị X nhận thừa kế QSDĐ diện tích đo đạc thực tế 3.338,2m² thuộc một phần thửa đất số 756, tờ bản đồ số 6, xã Phú Điền, cụ thể:

- Ngang giáp thửa 944 (đất bà X nhận): 46,98m;
- Ngang giáp phần còn lại của thửa 756 (đất bà B được giao): 46,71m;
- Dài giáp kênh thủy lợi: 71,31m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Thương: 71,30m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

[2.3] Bà Phạm Thị H nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 5.000,1m² thuộc thửa số 944, tờ bản đồ số 6, xã Phú Điền xã Phú Điền, cụ thể :

- Ngang giáp thửa 943 (đất ông V được giao): 47,53m;
- Ngang giáp một phần thửa 756 (đất bà X được nhận): 46,98m;
- Dài giáp kênh thủy lợi: 106,60m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Thương và Nguyễn Văn Tư: 105,20m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H.

[4] Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 1.993,9m² thuộc thửa đất số 763, tờ bản đồ số 6, tứ cận:

- Ngang giáp kênh tư củ: 49,34m;
- Ngang giáp thửa đất số 762 (ông V được giao): 46,76m;
- Dài giáp kênh thủy lợi: 40,07m;
- Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Tư: 43m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

[5] Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn V.

[6] Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 6.382,3m² thửa đất số 765, tờ bản đồ số 6, tứ cận:

- Ngang giáp kênh tư mới: 55,06m;
- Ngang giáp kênh tư củ: 49,30m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Hữu: 120,49m;
- Dài giáp đất ông Hồ Minh Dương: 112,51m.

Theo phụ lục mảnh trích đo số 05-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 10/3/2020.

[7] Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 14.337,4m² thửa đất số 214, tờ bản đồ số 7, tứ cận:

- Ngang giáp kênh 500: 50,30m;
- Ngang giáp thửa 292: 51,85m;
- Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Tòng: 280,89m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Mạnh: 291,62m.

Theo mảnh trích đo số 07-2018, tờ bản đồ số 7, của Công ty TNHH DV và ĐĐ Bảo Long đo vẽ ngày 15/10/2018.

Đương sự được nhận, được giao quyền sử dụng đất có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ nộp lệ phí, chi phí (nếu có) theo quy định.

[8] Về chi phí tố tụng: Các ông (bà) Nguyễn Thị H; Phạm Thị L; Phạm Thị T; Phạm Thị B; Phạm Thị X; Phạm Thị H; Phạm Văn V liên đới chịu 19.920.000 đồng chi phí đo đạc và định giá (đã nộp đủ).

[9] Về án phí:

[9.1] Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.484.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà H được miễn án phí, thuộc người cao tuổi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005333 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

[9.2] Bà Phạm Thị L phải chịu 18.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà L được miễn án phí, thuộc người cao tuổi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005330 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

[9.3] Ông Phạm Văn K phải chịu 46.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (di sản được nhận), nhưng ông K được miễn án phí, thuộc người cao tuổi.

[9.4] Ông Phạm Văn V phải chịu 18.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005336 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Ông V phải nộp tiếp 9.582.000 đồng.

[9.5] Bà Phạm Thị T phải chịu 13.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0005332 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà T phải nộp tiếp 4.290.000 đồng.

[9.6] Bà Phạm Thị X phải chịu 9.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005337 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà X phải nộp tiếp 317.000 đồng.

[9.7] Bà Phạm Thị H phải chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005335 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà H phải nộp tiếp 4.887.000 đồng.

[9.8] Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị B tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền Kng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi Hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 16/10/2020, bà Phạm Thị L và bà Nguyễn Thị H là N đơn Kng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy bản di chúc của mẹ các bà lập vì bản di chúc này mẹ các bà bị ép buộc, không phải tự nguyện. Bà L và bà H yêu cầu Tòa án chia cho các bà được hưởng tài sản thừa kế của cha mẹ để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm

- Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị L giữ N yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Kng cáo.

- Bà X, bà T thống nhất theo bản án dân sự sơ thẩm.

- Ông Dương Hoàng Vũ là Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà L trình bày: Ông Vũ cho rằng chữ ký của cụ Nguyễn Thị B trong tờ di chúc ngày 29/8/2007 là không phải chữ ký của cụ B vì so sánh với chữ ký của cụ B trong những giấy tờ do cụ B ký thì không giống nhau. Ngoài ra hai người làm chứng là ông Phạm Văn Trọng và ông Phạm Văn Nhn là em ruột của cụ Đ nên không Kch quan, đến năm 2018 ông NHn và ông Trọng mới có đơn yêu cầu xác nhận chữ ký của hai ông trong tờ di chúc, UBND xã Hậu Mỹ Bắc A huyện Cái Bè chỉ xác nhận chữ ký trong tờ di chúc ngày 29/8/2007 là đúng chữ ký của ông Trọng, ông NHn chứ không xác nhận nội dung di chúc là đúng quy định pháp luật nên xác định bản di chúc nói trên không hợp pháp, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà H và bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã T Hnh đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp Hnh tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung:

Xét Kng cáo; Bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị L Kng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử: Hủy bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị B lập ngày 29/8/2007 để chia thừa kế theo pháp luật cho các anh chị em hai bà, vì việc cụ B lập di chúc là bị ép buộc, không phải tự nguyện.

Qua xem xét về tài liệu, chứng cứ cùng với ý kiến trình bày trong đơn Kng cáo của bà H và bà L. Xét thấy, việc bà H, bà L Kng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản Di chúc do cụ B lập để chia thừa kế theo pháp luật cho các anh chị em của hai bà là hoàn T không có cơ sở, căn cứ và càng lại không phù hợp với lời khai của các anh chị em Kc của hai bà và chưa thật sự phù hợp với sự nhận định nêu trên của cấp phúc thẩm. Ngoài ra, ở tại phiên tòa cấp phúc thẩm thì hai bà cũng không có bất cứ tài liệu hay chứng cứ gì Kc để chứng minh là khi cụ B lập Di chúc là bị ai đó ép buộc, đe dọa. Do đó, nên xét thấy việc trình bày cùng với phần nội dung Kng cáo của bà H và bà L là hoàn T không có cơ sở, căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy việc nhận định và tuyên xử được nêu cụ thể ở tại Bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Tháp Mười là hoàn T có cơ sở, căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật. Xét lời trình bày cùng với phần nội dung Kng cáo yêu cầu của bà H và bà L (do ông Vũ đại diện theo ủy quyền) là hoàn T không có đủ cơ sở, căn cứ để xem xét.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; Không chấp nhận Kng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị L. Giữ N Bản án sơ thẩm số: 60/2020/DS-ST, ngày 07/10/2020 của TAND huyện Tháp Mười.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn Kng cáo của bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị H còn trong thời hạn Kng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét Kng cáo của bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy bản di chúc của mẹ các bà lập vì bản di chúc này mẹ các bà bị ép buộc, không phải tự nguyện. Bà L và bà H yêu cầu Tòa án chia cho các bà được hưởng tài sản thừa kế của cha mẹ để lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp sơ thẩm bà H, bà L không yêu cầu giám định chữ ký của cụ B và trong đơn Kng cáo bà H, bà L thừa nhận chữ ký trong tờ di chúc đề ngày 29/8/2007 là chữ ký

của cụ B nhưng bị ép buộc. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ cho rằng chữ ký trong tờ di chúc đề ngày 29/8/2007 không phải là chữ ký của cụ B và yêu cầu giám định chữ ký của cụ B. Xét thấy lời trình bày của bà H, và L và ông Vũ không nhất quán, ông Vũ khẳng định đơn Kng cáo là do bà H, bà L Kng cáo và ký tên. Trong đơn Kng cáo bà H, bà L thừa nhận chữ ký trong di chúc là chữ ký của cụ B nhưng bị ép buộc. Tại cấp phúc thẩm bà H, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Đồng thời các tờ thừa kế ghi ngày 10/8/1995 và di chúc ngày 29/8/2007 về hình thức phù hợp theo Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 627 Bộ luật dân sự năm 2015, được thể hiện bằng văn bản có người làm chứng là phù hợp theo khoản 2 Điều 650 và Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 628 và Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015. Về nội dung phù hợp theo Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 628 và Điều 631 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời trước khi lập di chúc 29/8/2007 thì cụ B đã được giám định sức khỏe, kết luận: Tinh thần minh mẫn - tư duy liên quan (theo Bản giám định sức khỏe số 132/GĐYK ngày 22/8/2007 của Hội đồng giám định Y khoa tỉnh Đồng Tháp). Do đó yêu cầu Kng cáo của bà H và bà L là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 07/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu Kng cáo của bà H, bà L; giữ N bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 07/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không bị Kng cáo, Kng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn Kng cáo, Kng nghị.

[6]. Do giữ N bản án dân sự sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H, bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu Kng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị L.

- Giữ N bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DS-ST ngày 07/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

1. Đình chỉ yêu cầu của ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

2.1 Phạm Thị T nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 4.784,9m² thuộc các thửa đất số 210, 209, 960 cùng tờ bản đồ số 7, xã Phú Điền, cụ thể:

- Thửa 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.342,8m², tứ cận:

+ Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 25,66m;

+ Ngang giáp thửa 958: 24,87m;

+ Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Khen: 49,49m;

+ Dài giáp thửa 209: 53,22m.

- Thửa 209, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.530,8m², tứ cận:

+ Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 28,56m;

+ Ngang giáp thửa 958: 28,87m;

+ Dài giáp thửa 210: 53,22m;

+ Dài giáp thửa 960: 53,39m.

- Thửa 960, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.911,3m², tứ cận:

+ Ngang giáp đất ông Lê Văn Cai: 22,20m;

+ Ngang giáp kênh 500: 20,94m;

+ Dài giáp thửa 209 và thửa 958: 88,06m;

+ Dài giáp đất ông Lê Văn Cai: 89,22m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 04-2018, tờ bản đồ số 7, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 221/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

2.2 Bà Phạm Thị X nhận thừa kế QSDĐ diện tích đo đạc thực tế 3.338,2m² thuộc một phần thửa đất số 756, tờ bản đồ số 6, xã Phú Điền, cụ thể:

- Ngang giáp thửa 944 (đất bà X nhận): 46,98m;

- Ngang giáp phần còn lại của thửa 756 (đất bà B được giao): 46,71m;

- Dài giáp kênh thủy lợi: 71,31m;

- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Thương: 71,30m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

2.3 Bà Phạm Thị H nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 5.000,1m² thuộc thửa số 944, tờ bản đồ số 6, xã Phú Điền xã Phú Điền, cụ thể :

- Ngang giáp thửa 943 (đất ông V được giao): 47,53m;
- Ngang giáp một phần thửa 756 (đất bà X được nhận): 46,98m;
- Dài giáp kênh thủy lợi: 106,60m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Thương và Nguyễn Văn Tư: 105,20m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H.

4. Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 1.993,9m² thuộc thửa đất số 763, tờ bản đồ số 6, tứ cận:

- Ngang giáp kênh tư củ: 49,34m;
- Ngang giáp thửa đất số 762 (ông V được giao): 46,76m;
- Dài giáp kênh thủy lợi: 40,07m;
- Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Tư: 43m.

Theo mảnh phụ lục trích đo số 06-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 21/9/2020, kèm theo Công văn số 220/CV-TA ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Tháp Mười.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn V.

6. Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 6.382,3m² thuộc thửa đất số 765, tờ bản đồ số 6, tứ cận:

- Ngang giáp kênh tư mới: 55,06m;
- Ngang giáp kênh tư cũ: 49,30m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Hữu: 120, 49m;
- Dài giáp đất ông Hồ Minh Dương: 112,51m.

Theo phụ lục mảnh trích đo số 05-2018, tờ bản đồ số 6, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 10/3/2020.

7. Ông Phạm Văn K được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 14.337,4m² thửa đất số 214, tờ bản đồ số 7, tứ cận:

- Ngang giáp kênh 500: 50,30m;
- Ngang giáp thửa 292: 51,85m;
- Dài giáp đất ông Nguyễn Văn Tòng : 280,89m;
- Dài giáp đất ông Huỳnh Văn Mạnh: 276,65m ;

Theo mảnh trích đo số 07-2018, tờ bản đồ số 7, của Công ty TNHH DV và ĐD Bảo Long đo vẽ ngày 15/10/2018.

Đương sự được nhận, được giao quyền sử dụng đất có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ nộp lệ phí, chi phí (nếu có) theo quy định.

8. Về chi phí tố tụng: Các ông (bà) Nguyễn Thị H; Phạm Thị L; Phạm Thị T; Phạm Thị B; Phạm Thị X; Phạm Thị H; Phạm Văn V liên đới chịu 19.920.000 đồng chi phí đo đạc và định giá (đã nộp đủ).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1 Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.484.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà H được miễn án phí, thuộc người cao tuổi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005333 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

9.2 Bà Phạm Thị L phải chịu 18.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà L được miễn án phí, thuộc người cao tuổi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005330 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

9.3 Ông Phạm Văn K phải chịu 46.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (di sản được nhận), nhưng ông K được miễn án phí, thuộc người cao tuổi.

9.4 Ông Phạm Văn V phải chịu 18.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005336 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Ông V phải nộp tiếp 9.582.000 đồng.

9.5 Bà Phạm Thị T phải chịu 13.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005332 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà T phải nộp tiếp 4.290.000 đồng.

9.6 Bà Phạm Thị X phải chịu 9.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005337 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà X phải nộp tiếp 317.000 đồng.

9.7 Bà Phạm Thị H phải chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005335 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà H phải nộp tiếp 4.887.000 đồng.

9.8 Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị B tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.863.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005334 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tháp Mười.

10. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước